TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày: 02 – 01 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Long Kiếm;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Duy Trường;

Ông Lã Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Thị T; sinh ngày 28/02/1992, tại huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Đội 10A, xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: T1 sinh năm 1949 và bà: T2 sinh năm 1952, đều trú tại: Đội 10A, xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên. Chồng: chưa có; bị cáo sống chung như vợ chồng với T3, sinh năm 1978, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện H, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và K, sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017. Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ 5.

Tiền án, tiền sự: Không có. nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/02/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Ông H1, Luật sư Văn phòng Luật sư H2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn bào chữa cho Trần Thị T. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06/2016 Trần Thị T quen một người đàn ông tên là Vân trú tại thành phố S, tỉnh Lạng Sơn, hai người thường xuyên gọi điện hỏi thăm, Trần Thị T đã nhiều lần đến chơi và gặp Vân tại tỉnh Lạng Sơn. Khoảng tháng 01/2017, Vân gọi điện thoại bảo Trần Thị T ở tỉnh Điện Biên nếu có ma tuý thì mang xuống tỉnh Lạng Sơn, Vân sẽ giúp Trần Thị T bán, giá một cây ma tuý là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Trần Thị T đồng ý và hẹn Vân khi nào có ma tuý sẽ liên lạc và nhờ Vân đưa đi bán. Trước đó Trần Thị T đã có thai sắp đến ngày sinh nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên Trần Thị T đã nhờ H3, sinh năm 1956 trú tại khu Đ, xã Đ1, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn, để sau khi sinh đưa con vào Trung tâm bảo trợ xã hội. Năm 2001 H3 có quen biết với P sinh năm 1960, trú tại số 239 đường L1, phường V, thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh công tác tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh, H3 liên hệ với P để cho cháu bé vào trung tâm và P nhận lời. Ngày 17/01/2017 Trần Thị T lấy tên giả là M sinh năm 1990, trú tại xã R huyện Đ2, tỉnh Lạng Sơn để làm bệnh án vào sinh con tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn đến ngày 21/01/2017 Trần Thị T sinh được một bé gái đặt tên là B6, đến ngày 23/01/2017 được ra viện. Sau khi ra viện H3 gọi taxi cùng Trần Thị T đưa con đến khu vực Trung tâm thương mại tỉnh Bắc Ninh và giao cháu bé cho P. Sau khi nhận cháu bé, P đưa cho Trần Thị T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) bảo là tiền bồi dưỡng, Trần Thị T trả cho H3 tiền viện phí, công chăm sóc tại Bệnh viện, tiền thuê phòng trọ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và trả tiền taxi còn lại 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng) Trần Thị T chi tiêu cá nhân, đến ngày 05/2/2017 Trần Thị T lấy 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) trong số tiền trên đi đến khu vực đồi trồng sắn thuộc xã P1, huyện B1, tỉnh Điện Biên tìm gặp một người phụ nữ không quen biết, tên thường gọi là "mẹ Chinh", mua một "cây" ma tuý Heroin. Trần Thị T đem cất giấu ở một bụi cây cách nhà khoảng 04km sau đó đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ ngày 07/2/2017, Trần Thị T gọi xe taxi đón từ nhà đi đến khu vực bụi cây đã giấu ma tuý trước đó, lấy ma tuý cho vào một chiếc túi xách của mình, bảo lái xe taxi đi lên thành phố B2, tỉnh Điện Biên, bắt xe oto khách xuống Hà Nội để đón xe lên Lạng Sơn. Khoảng 13 giờ ngày 08/2/2017, Trần Thị T đến Lạng Sơn và đến nhà trọ của Vân ở khu vực phía sau bến xe phía Bắc thuộc thị trấn C1, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó Vân thử ma tuý và bảo Trần Thị T đón taxi đi đến khu vực siêu thị Lasvilla thuộc phường V1, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn trước rồi Vân sẽ gọi khách mua ma tuý đến rồi ra sau. Khi Trần Thị T đang đứng chờ khách đến để bán ma tuý thì bị lực lượng công an kiểm tra, phát hiện Trần Thị T giấu ma

tuý trong túi xách, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị T, thu giữ và niêm phong tang vật theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 113/KL-PC54 ngày 09/2/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận*: "02 (hai) cục chất bột màu trắng gửi giám định đều là chất ma tuý Heroine, có tổng trọng lượng 35,495 gam (đã trừ bì)".*

Đối với người phụ nữ bán ma tuý cho Trần Thị T, theo Trần Thị T khai không quen biết, thường gọi "mẹ Chinh" khoảng 50 tuổi, trú tại xã P1, huyện B1, tỉnh Điện Biên. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã P1, huyện B1, tỉnh Điện Biên nhưng không xác định được người phụ nữ này. Vì vậy không có cơ sở để xử lý trong vụ án.

Đối với người đàn ông tên Vân, xác minh tại phường V2, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; khu nhà trọ ở phía sau bến xe phía Bắc theo lời khai của Trần Thị T, kết quả: Không xác định được đối tượng Vân có đặc điểm như Trần Thị T khai. Tiến hành thu giữ các thông tin về số điện thoại 01296008698 theo Trần Thị T khai là của Vân, chủ thuê bao số điện thoại là B7, sinh ngày 24/06/1998; trú tại thị trấn C1, huyện C4, tỉnh Lạng Sơn, số chứng minh nhân dân 145016331. Tra cứu tại phòng PC64 Công an tỉnh Lạng Sơn, kết quả không có hồ sơ chứng minh nhân dân trên, xác minh tại Công an thị trấn C1, huyện C4, tỉnh Lạng Sơn cũng không xác định được người có tên là B7. Do vậy không có căn cứ xử lý đối tượng Vân trong vụ án này.

Đối với hai người phụ nữ tên là H3 và P, theo lời khia của Trần Thị T là người đã giúp đưa con gái mới sinh của Trần Thị T vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập ghi lời khai đối với H3, sinh năm 1956, trú tại khu Đ, xã Đ1, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. H3 khai năm 2001 đưa con đi khám bệnh tại Bệnh viện Việt – Pháp ở Hà Nội, tình cờ quen biết chị P và tự giới thiệu hiện đang công tác tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh. Do vậy khi được Trần Thị T nhờ H3 đã liên hệ với P để cho cháu bé vào Trung tâm. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định được P sinh năm 1960, trú tại số 239 đường Lê Phụng Hiểu, phường V, thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh. Trung tâm nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh cung cấp: P nguyên là cán bộ của Trung tâm nhưng đã nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/11/2015, Trung tâm không tiếp nhận cháu bé nào tên là B6 con của M trú tại huyện Đ2, tỉnh Lạng Sơn. Chính quyền địa phương cung cấp P không có mặt ở nơi cư trú, đi đâu làm gì không nắm được. Cơ quan điều tra đã tách các tài liệu liên quan đến P chuyển đến phòng cảnh sát điều tra tội phạm về

trật tự xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn để tiếp tục xác minh xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 120/KSĐT-P1 ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội Mua bán trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194; Điều 33; Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Trần Thị T mức án từ 15 năm tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì được niêm phong bên trong phong bì có 34,079 gam ma tuý Heroine; tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu AVIO, màu đen trắng của bị cáo Trần Thị T do đã sử dụng vào việc phạm tội.

Luật sư H1 bào chữa cho bị cáo Trần Thị T đề nghị hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo có vai trò thứ yếu, đối tượng Vân là chủ mưu, rủ rê lôi kéo bị cáo phạm tội; bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải; tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra để điều tra xử lý tội phạm, ngay khi bị bắt bị cáo đã chỉ ra đối tượng Vân đang đứng bên kia đường và khi lập biên bản phạm tội quả tang bị cáo đã khai ra đối tượng Vân nhưng khi có yêu cầu của Viện kiểm sát thì cơ quan điều tra mới điều tra, xác minh về đối tượng Vân. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 ; điểm s , t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù; không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận giám định và còn được chứng minh bằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị T

đã có hành vi mua bán trái phép 01 túi ma tuý Heroine có tổng trọng lượng là 35,495gam.

[2] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thị T về tội mua bán trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều luật quy định: *" 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:*

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam;"

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị T là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây ra đã xâm phạm đến các quy định về độc quyền quản lý chất ma tuý của Nhà nước. Mua bán ma túy trái phép là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội của địa phương. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ có bị cáo Trần Thị T bị bắt quả tang và bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Đối với đối tượng tên Vân ngay khi bị bắt, khi lập biên bản phạm tội quả tang ngày 8/2/2017 bị cáo đã khai ra đối tượng Vân. Cơ quan điều tra đã không kịp thời điều tra, xác minh ngay, đến ngày 16/3/2017 Viện kiểm sát có yêu cầu điều tra(Bút lục số 35), thì đến ngày 15/5/2017 cơ quan điều tra mới điều tra, xác minh về đối tượng Vân(Bút lục số 128) nên có phần ảnh hưởng đến kết quả điều tra. Đến nay vẫn chưa xác minh làm rõ được đối tượng Vân như bị cáo Trần Thị T đã khai báo. Vấn đề này cơ quan cảnh sát điều tra cần rút kinh nghiệm về việc điều tra phải kịp thời.

[6] Để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét về vai trò, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[7] Xét về vai trò đồng phạm trong vụ án, bị cáo có vai trò là người thực hành, bị cáo là người trực tiếp thực hiện mua bán ma túy và đem đi bán theo sự chỉ dẫn của Vân. Đối tượng Vân có vai trò là người xúi giục, là người dụ dỗ, thúc đẩy bị cáo Trần Thị T phạm tội.

[8] Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tại tòa đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Trong lúc bị cáo có thai(khoảng tháng 01 năm 2017) đối tượng Vân đã dụ dỗ, thúc đẩy bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, đến ngày 21/01/2017 Trần Thị T sinh được một bé gái đặt tên là B6, đến ngày 23/01/2017 được ra

viện. Sau khi ra viện H3 gọi taxi cùng Trần Thị T đưa con đến khu vực Trung tâm thương mại tỉnh Bắc Ninh và giao cháu bé cho P. Sau khi nhận cháu bé, P đưa cho Trần Thị T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) bảo là tiền bồi dưỡng. Bị cáo Trần Thị T đã dùng một phần tiền trong số tiền nêu trên là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để mua ma túy với đối tượng Chinh(chính là số ma túy tang vật đã thu giữ của vụ án) nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội là phụ nữ có thai" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, cũng cần xem xét cho bị cáo ngay khi bị bắt, khi lập biên bản phạm tội quả tang bị cáo đã khai ra đối tượng Vân. Nếu cơ quan điều tra mà điều tra, xác minh ngay thì có thể bắt được Vân và phát hiện ra nhiều tội phạm khác nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

[10] Với tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục và phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, cần xem xét bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ, cụ thể là: Tại cơ quan điều tra và tại tòa bị cáo luôn thật thà khai báo về hành vi phạm tội của bản thân; tại tòa bị cáo luôn ăn năn hối cải mong muốn cải tạo thành người có ích cho xã hội; bị cáo là "Người phạm tội là phụ nữ có thai"; bị cáo tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm nên cần áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo sống phụ thuộc gia đình là hộ nghèo, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Đối với vật chứng là ma túy cần tịch thu tiêu hủy gồm: phong bì đã niêm phong bên trong có 34,079 gam ma tuý Heroine. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu AVIO, màu đen trắng của bị cáo Trần Thị T đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[13] Những ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định nêu trên nên cần chấp nhận. Những ý kiến không phù hợp với nhận định nêu trên không được chấp nhận.

[14] Ngoài ra, trong vụ án còn có các đối tượng khác nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

I. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 ; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 14 (mười bốn) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/02/2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị T.

II. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1- Tịch thu, tiêu hủy:

01 (một) phong bì của Công an thành phố S được niêm phong, mặt trước phong bì tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định Hoàng Đình Chiến và 02 (hai) hình dấu tròn của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và 06 (sáu) hình dấu tròn của Công an phường V2, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì có 34,079 gam ma tuý Heroine.

2- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu AVIO, màu đen trắng, số IMEI: 353110340059997, bên trong có lắp 01 sim, máy cũ đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn)

III. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/01/2018).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiếm